TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2026/DS-ST
Ngày 24/02/2026
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025, về "Tranh chấp đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị L, sinh ngày 01/01/1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Phúc N, sinh năm 1991. Địa chỉ liên hệ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2025 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị C, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu V, phường M, thành Phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2025, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Dương Phúc N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày cho rằng vào năm 2020, thì bà L có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Trần Thị C làm chủ hụi nhưng đến năm 2022, thì bà C báo cho bà L biết là ngưng khui các dây hụi nêu trên. Tuy ngưng khui hụi nhưng bà C vẫn tiếp tục đi gom hụi chết của những người còn lại trong dây hụi. Khi phát hiện ra sự việc, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà C phải trả

lại cho bà L số tiền vốn (tiền hụi sống) đã được bà L đóng cho bà C, vì ở đây không phải bà L không tiếp tục đóng hụi mà lỗi là do bà C ngưng không tiếp tục tổ chức hụi (khui hụi) nữa, nên bà C phải trả lại cho bà L tiền vốn (hụi sống) mà bà L đã giao ở các dây hụi với tổng số tiền là 307.000.000 đồng. Bà L cũng đã nhiều lần nhắc nhở và đến nhà để yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị C và ông Phan Văn Đ trả nợ cho bà L nhưng vợ chồng bà C chỉ hứa cho qua lề chứ không có thiện chí thực hiện việc trả nợ cho bà L.

Sự việc bà C và ông Đ nợ bà L số tiền 307.000.000 đồng đã được bà C, ông Đ thừa nhận và xác nhận vào năm năm 2023, đồng thời có hứa sẽ sớm trả cho bà L nhưng cho đến nay vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó hai bên phát sinh mâu thuẫn với nhau, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị C và ông Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L tổng số tiền hụi là 307.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị C và ông Phan Văn Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, yêu cầu khởi kiện của bà C là tranh chấp đòi tài sản quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; các bị đơn có nơi cư trú tại khu V, phường N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, các bị đơn bà C và ông Đ vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Đối với yêu cầu của bà L về việc buộc bà C và ông Đ trả số tiền vốn hụi đã đóng là 307.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà L cung cấp bản sao: Bản án số 50/2025/DS-ST ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét tại Bản án nêu trên có lời trình bày của Trần Thị C "*Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 197 là do bà sang của ông Trần Văn N1 (N) và vợ bà Trần Thị L1 bằng giấy tay vào khoảng năm 2000. Hiện tại, đất này đang tranh chấp về thừa kế và được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết chưa xong, vợ chồng bà chỉ có giấy tay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi tranh chấp thừa kế giữa ông Trần Văn N1 với ông Trần Văn Đ1 xảy ra thì bà mới biết là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này đứng tên mẹ của ông N1 là cụ Nguyễn Thị T. Nguyên vì bà có thiếu tiền hụi của bà L 307.000.000 đồng, sau đó bà L yêu cầu vợ chồng bà sang cho bà L một phần đất trừ nợ nhưng thỏa thuận giá cả không được nên bà không đồng ý bán. Bà L với ông Đ đã lén ký giấy bán đất ngày 09-4-2023 nên bà không hay biết, bà không có ký tên. Tuy nhiên, sau này ông*

Đ có nói lại cho bà biết là ông Đ đã ký giấy bán và bà L đã đưa 30.000.000 đồng vào ngày 09-4-2023 âm lịch, đến ngày 10-4-2023 âm lịch đưa thêm 33.000.000 đồng, cấn trừ tiền hụi 307.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L: Bà chỉ đồng ý chuyển nhượng với giá là 40.000.000 đồng/mét ngang đất, còn không được giá đó thì bà không đồng ý. Bà đồng ý trả lại cho bà L số tiền mà ông Phan Văn Đ đã nhận của bà L 63.000.000 đồng. Riêng số tiền 307.000.000 đồng là tiền hụi nếu bà L kiện đòi tiền hụi thì bà đồng ý trả số tiền này.". Mặt khác, tại mục [18] của Bản án nêu trên có nhận định "*Đối với số tiền 307.000.000 đồng ông Đ và bà L thỏa thuận cấn trừ nghĩa vụ là một phần nội dung của thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu toàn bộ nên nội dung này cũng bị vô hiệu. Nếu có tranh chấp mà hai bên không thỏa thuận được, bà Đỗ Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị C trả lại khoản tiền này trên cơ sở giao dịch về hụi đã được bị đơn bà Trần Thị C thừa nhận hoặc khởi kiện đòi tài sản theo quy định của pháp luật*". Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì "*Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật"* là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Đối với bị đơn bà C và ông Đ đã được Tòa án thông báo cho biết việc nguyên đơn bà L khởi kiện, nội dung yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp, được triệu tập tham gia hòa giải, lấy khai và xét xử nhưng các bị đơn vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị L đòi bà C và ông Đ trả số tiền nợ 307.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Đỗ Thị L không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L về tranh chấp đòi tài sản với bị đơn bà Trần Thị C, ông Phan Văn Đ.

Buộc bà Trần Thị C và ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L số tiền là 307.000.000 đồng (ba trăm lẽ bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị C và ông Phan Văn Đ phải liên đới chịu là 15.350.000 đồng (mười lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.675.000 đồng (bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006817 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai